



PHÁP LỆNH

GIỐNG VẬT NUÔI



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHÁP LỆNH
GIỐNG VẬT NUÔI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2004

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2004/L-CTN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2004

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC

Về việc công bố Pháp lệnh
của Ủy ban thường vụ Quốc hội

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ

Pháp lệnh giống vật nuôi.

Đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2004.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trần Đức Lương

Số: 16/2004/PL-UBTVQH11

PHÁP LỆNH GIỐNG VẬT NUÔI

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết số 21/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004;

Pháp lệnh này quy định về giống vật nuôi.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về quản lý và bảo tồn nguồn gen vật nuôi; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định và công nhận giống vật nuôi mới; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; quản lý chất lượng giống vật nuôi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trong lĩnh vực giống vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giống vật nuôi* là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; giống vật nuôi phải có số lượng nhất định để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

Giống vật nuôi bao gồm các giống gia súc, gia cầm, ong, tằm, động vật thuỷ sản và các sản phẩm giống của chúng như tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống.

2. *Giống vật nuôi thuần chủng* là giống ổn định về di truyền và năng suất; giống nhau về kiểu gen, ngoại hình và khả năng kháng bệnh.

3. *Đàn giống cụ kỵ* là đàn giống vật nuôi thuần

chúng hoặc đàn giống đã được chọn, tạo, nuôi dưỡng để sản xuất ra đàn giống ông bà.

4. *Đàn giống ông bà* là đàn giống vật nuôi nhân từ đàn giống cụ kỵ để sản xuất ra đàn giống bố mẹ.

5. *Đàn giống bố mẹ* là đàn giống vật nuôi nhân từ đàn giống ông bà để sản xuất ra giống thương phẩm.

6. *Đàn giống hạt nhân* sử dụng trong nhân giống gia súc lớn là đàn giống tốt nhất, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng, được nuôi dưỡng và chọn lọc theo một quy trình nhất định nhằm đạt được tiến bộ di truyền cao để sản xuất ra đàn nhân giống.

7. *Đàn nhân giống* sử dụng trong nhân giống gia súc lớn là đàn giống do đàn giống hạt nhân sinh ra để sản xuất giống thương phẩm hoặc được chọn lọc để bổ sung vào đàn giống hạt nhân.

8. *Giống thương phẩm* là đàn giống vật nuôi được sinh ra từ đàn giống bố mẹ hoặc từ đàn nhân giống.

9. *Giống giả* là giống không đúng với tên giống đã ghi trên nhãn.

10. *Chọn giống* là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật để chọn lọc và giữ lại làm giống những cá thể có đặc điểm có lợi đáp ứng yêu cầu của con người.

11. *Tạo giống* là việc chọn và phối giống hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật di truyền khác để tạo ra một giống mới.

12. *Cải tạo giống* là việc làm thay đổi một hoặc nhiều đặc tính của giống hiện có bằng cách cho phối

giống để có các đặc tính tương ứng tốt hơn.

13. *Kiểm tra năng suất cá thể* là việc đánh giá năng suất, chất lượng của con giống trước khi đưa vào sử dụng.

14. *Hợp tử* là tế bào được tạo ra do sự thụ tinh của tinh trùng và trứng.

15. *Phôi* là hợp tử đã phát triển ở các giai đoạn khác nhau.

16. *Nguồn gen vật nuôi* là những động vật sống hoàn chỉnh và các sản phẩm giống của chúng mang thông tin di truyền có khả năng tạo ra hay tham gia tạo ra giống vật nuôi mới.

17. *Bảo tồn nguồn gen vật nuôi* là việc bảo vệ và duy trì nguồn gen vật nuôi.

18. *Khảo nghiệm giống vật nuôi* là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi trong điều kiện và thời gian nhất định giống vật nuôi mới nhập khẩu lần đầu hoặc giống vật nuôi mới được tạo ra trong nước nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của giống đó.

19. *Kiểm định giống vật nuôi* là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh của giống vật nuôi sau khi đưa ra sản xuất hoặc làm cơ sở công bố chất lượng giống vật nuôi phù hợp tiêu chuẩn.

20. *Giống vật nuôi có gen đã bị biến đổi* là giống vật nuôi có mang một tổ hợp mới vật liệu di truyền (ADN) nhận được qua việc sử dụng công nghệ sinh học hiện đại.

21. *Giống vật nuôi nhân bản vô tính* là giống vật nuôi được tạo ra bằng kỹ thuật nhân bản từ một tế bào sinh dưỡng.

22. *Giống vật nuôi mới* là giống mới được tạo ra hoặc giống mới được nhập khẩu lần đầu nhưng chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động về giống vật nuôi

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi cả nước và của từng địa phương.

2. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế.

3. Bảo đảm giống vật nuôi có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

4. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất giống vật nuôi; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với kinh nghiệm của nhân dân.

5. Phát huy quyền tự chủ, bảo đảm sự bình đẳng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động về giống vật nuôi.

6. Bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn gen vật nuôi; bảo đảm tính đa dạng sinh học; kết hợp giữa lợi ích

trước mắt với lợi ích lâu dài, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về giống vật nuôi

1. Bảo đảm phát triển giống vật nuôi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi.

2. Ưu tiên đầu tư cho các hoạt động thu thập, bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi mới và nuôi giữ giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân có năng suất và chất lượng cao.

3. Khuyến khích và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ nhân giống, nuôi giữ giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về giống vật nuôi; xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn lực trong hoạt động về giống vật nuôi.

5. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, sử dụng giống vật nuôi mới; tham gia bảo hiểm giống vật nuôi.

6. Hỗ trợ việc phục hồi giống vật nuôi trong trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh gây hậu quả nghiêm trọng.